

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2023.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bảy.

Ông Nguyễn Văn Vũ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1998 (xin vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Huỳnh Minh C, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn đề ngày 14 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị và anh Huỳnh Minh C kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 10 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình bên chồng, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, đến năm 2022 thì sống ly thân, thời gian ly thân không có hàn gắn đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh

C. Con chung có 01 cháu tên Huỳnh Nguyễn Công B, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có. Chị T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Minh C trình bày: Về quá trình hôn nhân giống như lời trình bày của chị T. Nay chị T cương quyết ly hôn nên anh cũng đồng ý. Con chung như chị T trình bày là đúng, khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa ông Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh C; về con chung chị T trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Công B, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2019, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; bị đơn anh Huỳnh Minh C có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Nguyên đơn chị T có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 10 tháng 10 năm 2018, việc kết hôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh C đều đồng ý ly hôn, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh chị, phù hợp với quy định tại các Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh C thống nhất khi ly hôn chị T sẽ trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Công B, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị T, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh C trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của ông Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T.

Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Huỳnh Minh C.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Công B, sinh ngày 13 tháng 5 năm 2019 hiện nay đang sống chung với chị T; anh Huỳnh Minh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ là người không trực tiếp nuôi con có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Huỳnh Minh C trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxxx, ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[6] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND xã T, huyện M,
tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 10/10/2018) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện